KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	9,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.0%	-	-8.0%

DT thuần

2024: **882** tỷ VNĐ

YoY ▼ 473 ▼ 34.9%

LN gộp

2024: **121** tỷ VNĐ

YoY ▼ 16.0 ▼ 11.3%

LN thuần

2024: **22.9** tỷ VNĐ

YoY ▼ 4.30 ▼ 16.0%

LN sau thuế

2024: **15.3** tỷ VNĐ

YoY ▲ 1.00 ▲ 7.1%

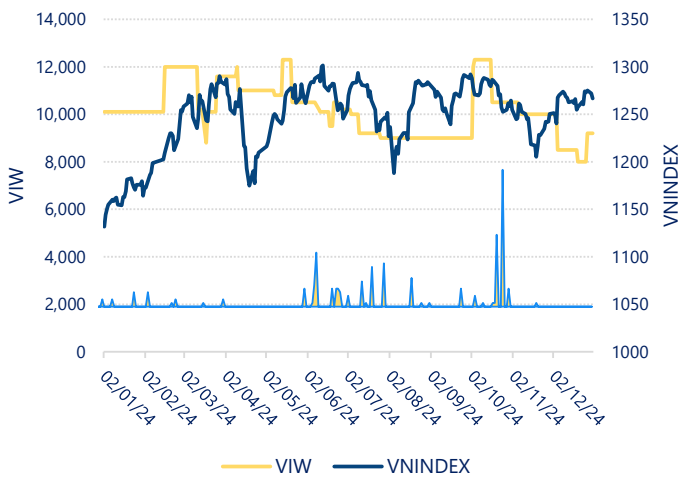
ROE

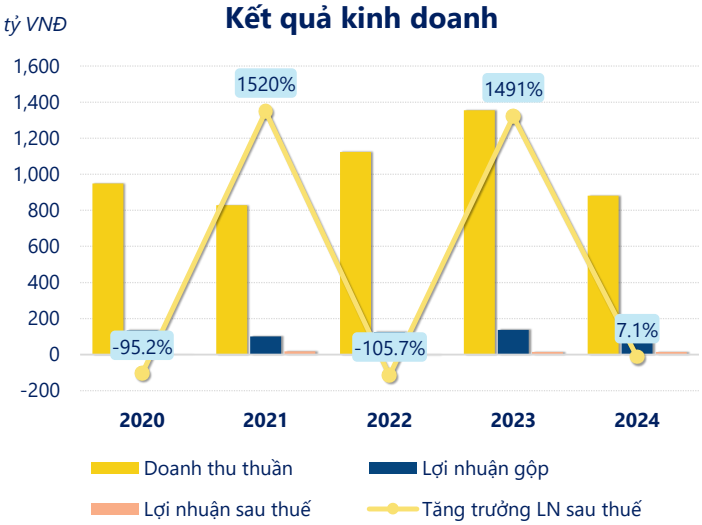
2024: **0.6%**

+/- YoY ▲ 0.1%

ROA

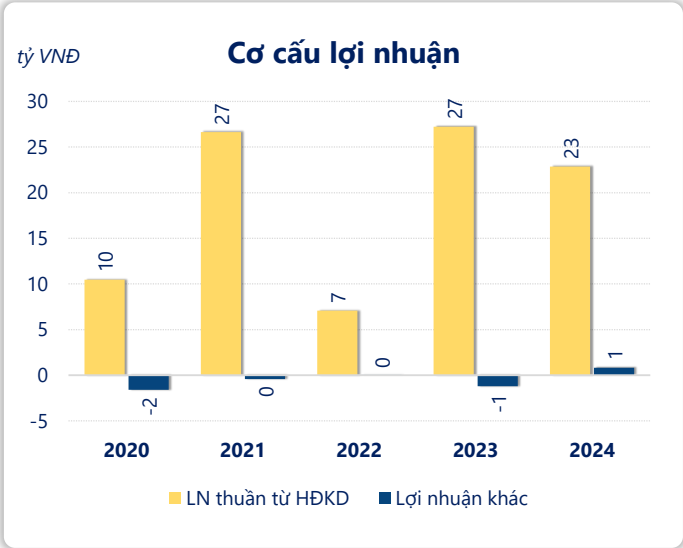
2024: **0.2%**

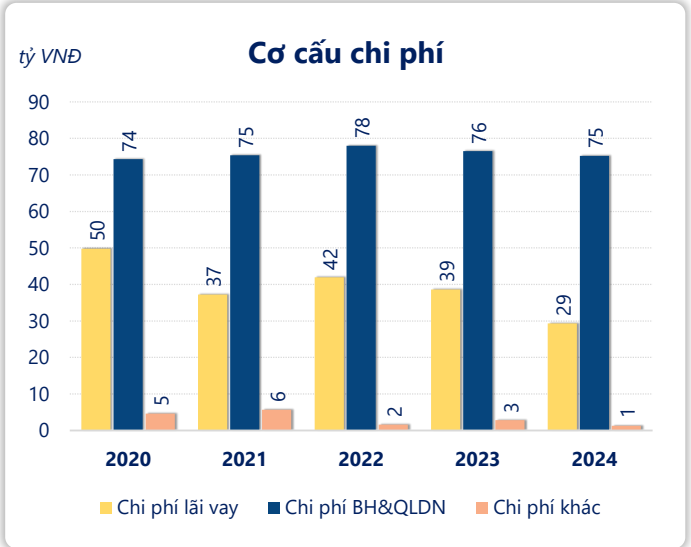




Kết quả kinh doanh **VIW** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 34.9%** chỉ còn **881.6** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 15.30 tỷ đồng **tăng 7.13%**.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

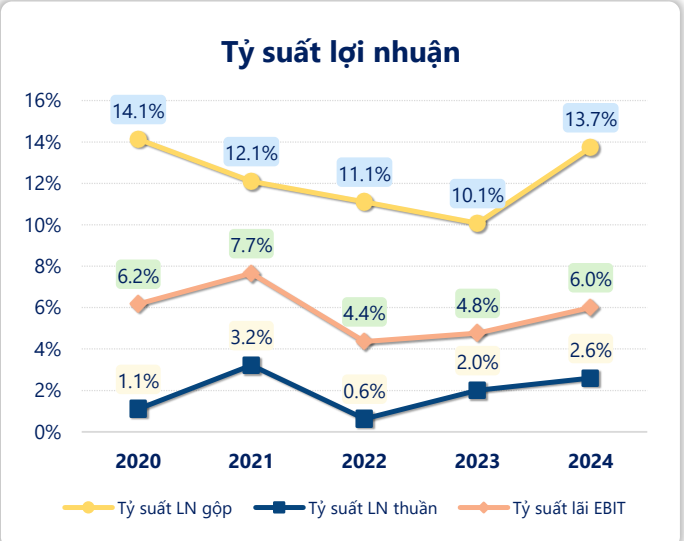


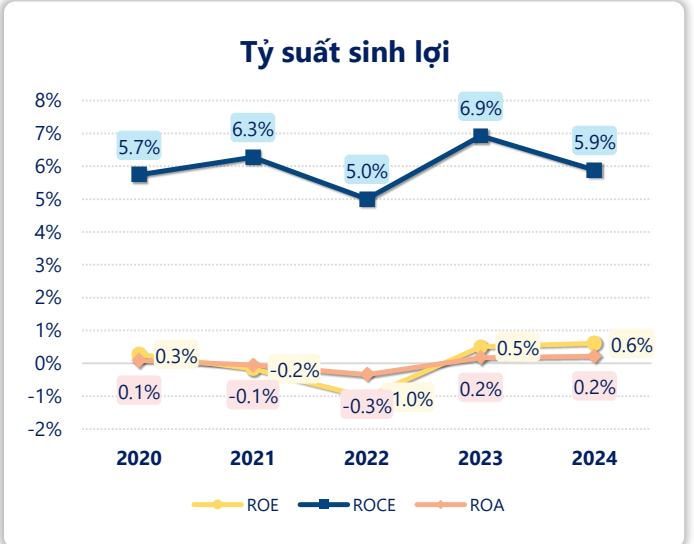


Năm **2024**, **VIW** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **22.87** tỷ đồng, **giảm đi 4.37** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (18.85 tỷ đồng) là 4.02 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

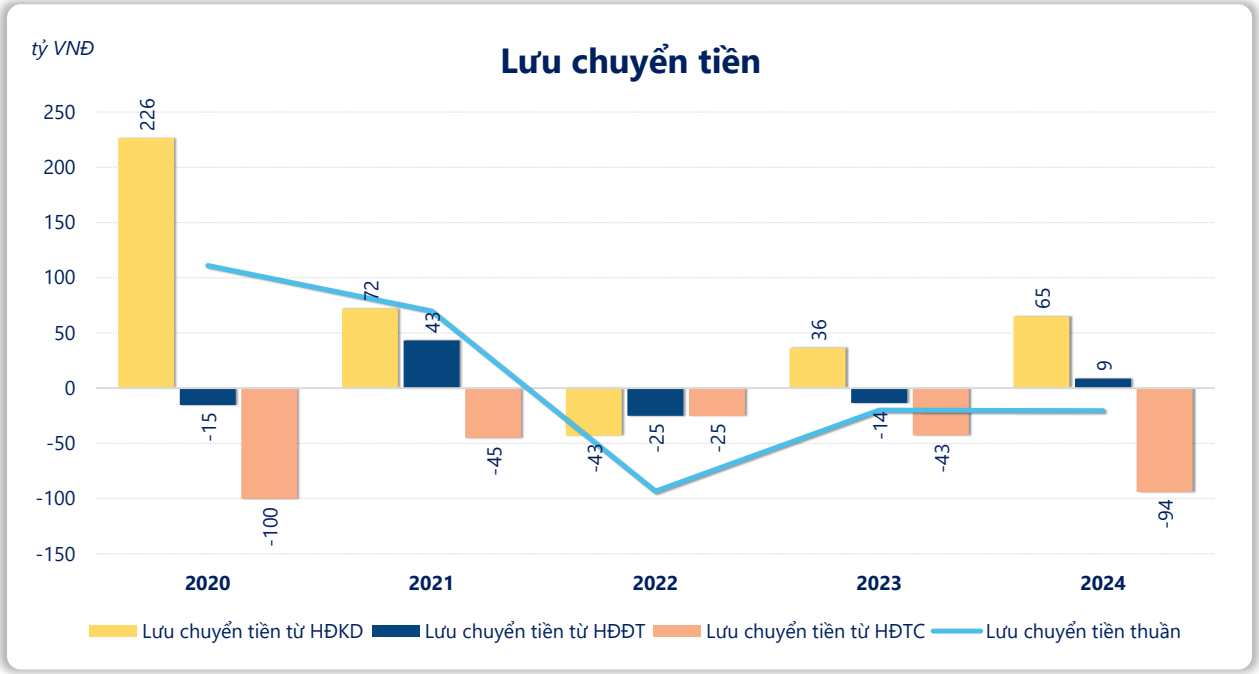
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **29.31** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **75.21** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.27** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VIW năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **0.61%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**948**	**828**	**1,124**	**1,355**	**882**
Giá vốn hàng bán	814	728	999	1,219	760
Lợi nhuận gộp	**134**	**100**	**125**	**137**	**121**
Doanh thu HĐTC	3.42	43.4	4.73	4.82	3.56
Chi phí TC	50.2	37.7	44.6	38.7	30.5
Chi phí lãi vay	**49.7**	**37.2**	**42.0**	**38.6**	**29.3**
LN trong công ty LKLD	-2.54	-3.89	-0.01	1.05	3.93
Chi phí bán hàng	0.87	0.38	0.66	2.73	1.88
Chi phí QLDN	73.4	75.0	77.3	73.8	73.3
LN thuần từ HĐKD	**10.5**	**26.6**	**7.06**	**27.2**	**22.9**
Lợi nhuận khác	-1.59	-0.43	0.03	-1.21	0.82
LN trước thuế	**8.87**	**26.2**	**7.09**	**26.0**	**23.7**
Lợi nhuận sau thuế	**1.10**	**17.9**	**-1.03**	**14.3**	**15.3**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.02**	**-1.24**	**-7.51**	**3.56**	**4.34**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VIW bằng **-20.49** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (-19.82 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **64.89** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **8.62** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-94.00** tỷ đồng.